

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HS-ST

Ngày: 22/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Long Văn Thanh

2. Ông Đình Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Mã Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2018/HSST ngày 14/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2018/QĐXXST- HS ngày 05/10/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đình Thị Thanh L; Giới tính: nữ; Sinh ngày: 01/1/1982; hộ khẩu thường trú: tổ B, phường TG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; tạm trú: tổ B, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: tày; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; chức vụ đảng, chính quyền, đoàn thể: không; trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; họ và tên cha: Đình Ích V, sinh năm 1954; họ và tên mẹ: Hoàng Thị M, sinh năm 1957; đều trú tại: tổ M, phường DT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; chồng: Sầm Văn K - sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: tổ B, phường TG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; con trai: Sầm Việt B, sinh năm 2011; con gái: Sầm Ngọc Thanh T, sinh năm 2017; gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con cả trong gia đình; tiền án: không; tiền sự: không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Nông Thị T - sinh 1982;

TT: BG, thị trấn XH, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng;

Vắng mặt.

2. Nông Thị P - sinh 1972;

TT: xóm YL, thị trấn XH, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng;
Vắng mặt.

3. Hoàng Thị Hồng V - sinh 1965;

TT: xóm LC, thị trấn TN, huyện TN, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Triệu Thị V - sinh 1980;

TT: xóm LC, thị trấn TN, huyện TN, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/2015, Nông Thị T (sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: xóm BG, thị trấn XH, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng) nói chuyện với Đinh Thị Thanh L (sinh năm 1982, tạm trú: tổ B, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) về chuyện muốn được vào làm trong cơ quan nhà nước, sau đó L nói có thể xin cho T đi làm nhưng cần một khoản kinh phí là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng chẵn), nếu T đồng ý thì đưa trước một nửa số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng chẵn). Đến ngày 17/12/2015 T mang số tiền này đưa trực tiếp cho L tại nhà riêng của L ở tổ MB, phường TG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng, tại đây L viết cho T một giấy vay tiền với số tiền 60.000.000 đồng nhưng không ghi rõ nội dung sử dụng số tiền này để xin việc.

Trong khoảng tháng 01/2016 T có giới thiệu với bà Nông Thị P, (sinh năm 1972, hộ khẩu thường trú: xóm YL, thị trấn XH, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng, bà P là cô ruột của T) với L, đồng thời nhờ L xin việc cho con gái bà P vào làm trong ngành y; sau khi nói chuyện với L, bà P đồng ý nhờ L xin việc cho con gái với số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng chẵn) và đưa trước 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng chẵn). Ngày 12/01/2016 bà P cùng T đến nhà của L để đưa số tiền như đã thỏa thuận, tại đây L viết cho bà P 01 giấy vay tiền nhưng không ghi rõ nội dung để xin việc, đến ngày 25/10/2016 L có yêu cầu bà P đưa số tiền còn lại 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng chẵn) để lo công việc cho con gái bà P, sau khi nhận số tiền này L có ghi thêm vào giấy vay tiền trước đây, cả 2 lần đưa tiền này T là người chứng kiến và ký vào giấy vay tiền. Sau khi nhận được tiền từ T và bà P, L có thỏa thuận đến hết ngày 31/12/2016 nếu không xin được việc sẽ trả lại toàn bộ số tiền. Đến quá ngày giao hẹn T và con gái bà P không được đi làm nên T và bà P gọi điện tìm L nhiều lần đòi tiền, nhưng L chỉ trả cho bà P được số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng chẵn), trả được cho T số tiền 38.500.000 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Trong khoảng tháng 8/2016 bà Hoàng Thị Hồng V (sinh năm 1965, hộ khẩu thường trú: xóm LC, thị trấn TN, huyện TN, tỉnh Cao Bằng) nói chuyện với hàng xóm tên là Triệu Thị V (sinh năm 1980), qua nói chuyện, bà Hồng V

nói con gái học trường y đã lâu, ra trường chưa xin được việc, muốn xin đi làm ở cơ quan nhà nước, lúc này Triệu Thị V nói có một người bạn tên là L (bạn học cấp 3 của chị Triệu Thị V) có thể xin được việc trong ngành y. Trước đây Triệu Thị V có ý định nhờ L xin việc cho cháu gái, nhưng vì điều kiện gia đình cháu gái của V không muốn đi làm nên Triệu Thị V có ý muốn giúp đỡ bà Hồng V, nên đã giới thiệu và cho số điện thoại của L. Sau đó bà Hồng V đã gọi điện cho L, qua nói chuyện L đồng ý giúp đỡ xin việc cho con gái bà Hồng V, lần nói chuyện sau đó L có nói với bà Hồng V để xin được việc cho con gái vào ngành y cần số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng chẵn) và 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn) để làm chứng chỉ tin học và ngoại ngữ, bà Hồng V đồng ý với điều kiện về số tiền bà Hồng V phải đưa cho L để L xin việc cho con gái bà Hồng V và được L cho số tài khoản 8300205188160 ngân hàng Agribank. Ngày 10/11/2016 bà Hồng V chuyển qua số tài khoản trên cho L số tiền 201.600.000 đồng (hai trăm linh một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn). Sau khi nhận được số tiền trên L bảo bà Hồng V nói con gái đăng ký thi tuyển công chức vào ngành y và đợi đến ngày đi thi, sau khi thi xong nhắn tin họ tên và số báo danh cho L. Đến ngày biết kết quả thi, con gái bà Hồng V không đủ điểm để đi làm, bà Hồng V có gọi điện thoại để đòi tiền L nhiều lần, đến nay L chỉ trả được cho bà Hồng V số tiền 105.000.000 đồng (một trăm linh năm triệu đồng chẵn). Số tiền 201.600.000 đồng (hai trăm linh một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn) bà Hồng V chỉ tính là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng chẵn) vì số tiền 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn) L đã sử dụng để làm chứng chỉ tin học và ngoại ngữ cho con gái bà Hồng V. Sau khi nhận được tiền của Nông Thị T, Nông Thị P, Hoàng Thị Hồng V, L đã sử dụng toàn bộ số tiền này để trả nợ, ghi sổ lô, sổ đề và đầu tư vào sàn giao dịch trên mạng internet. Đến nay L chỉ trả được cho Nông Thị T số tiền 38.500.000 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn), trả cho Nông Thị P số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), trả cho Hoàng Thị Hồng V số tiền 105.000.000 đồng (một trăm linh năm triệu đồng chẵn). Số tiền hiện nay L còn chiếm đoạt của các bị hại trên là 206.500.000 đồng (hai trăm linh sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Hành vi ghi sổ lô, sổ đề của Đinh Thị Thanh L như đã khai, cơ quan điều tra không có đủ căn cứ chứng minh làm rõ, vì theo bị cáo khai nhận những lần ghi sổ lô, sổ đề L đều ghi tại các điểm ghi lô tô ở vỉa hè và ghi với những người không quen biết.

Cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã lập hồ sơ đề nghị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố bị cáo Đinh Thị Thanh L về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại bản Cáo trạng số: 56/CT-VKSTP ngày 13/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Đinh Thị Thanh L về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố. Tại phiên tòa bị cáo cho rằng Cáo trạng mà Viện

kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, bị cáo không thay đổi lời khai và không khai thêm nội dung gì khác.

Các bị hại yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm trả lại số tiền mà bị cáo đã lừa lấy đối với các bị hại nhưng đến nay chưa trả được.

Trong bản luận tội, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đinh Thị Thanh L. Đề nghị áp dụng: theo khoản 3 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Đinh Thị Thanh L. Đề nghị xử phạt bị cáo Đinh Thị Thanh L mức án từ 7 (bảy) đến 8 (tám) năm tù;

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Đinh Thị Thanh L phải có trách nhiệm trả lại số tiền cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận:

- Bị cáo không có gì cần tranh luận với phần luận tội của Viện kiểm sát. Về phần trách nhiệm dân sự: bị cáo nhất trí trả lại số tiền còn thiếu của các bị hại mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Phần nói lời sau cùng: Bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, được hưởng mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các yếu tố cấu thành tội phạm:

Về mặt khách quan: bị cáo đã có hành vi bằng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm mục đích tư lợi của bản thân. Cụ thể bị cáo không có thẩm quyền và chức năng về việc tuyển dụng cán bộ, viên chức nhưng bị cáo đã đưa ra thông tin sai sự thật để lừa đảo lòng tin của những người bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của họ; từ tháng 12/2015 đến tháng 8/2016, bị cáo đã liên tiếp lừa đảo của các bị hại: Nông Thị T, Nông Thị P, Hoàng Thị Hồng V bằng thủ đoạn gian dối, lừa đảo để xin việc trong các cơ quan nhà nước, nhằm chiếm đoạt tài sản của các

bị hại nói trên với tổng số tiền 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

Như vậy có thể thấy rằng hành vi của bị cáo đã xâm phạm và làm thiệt hại đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Về mặt chủ quan của tội phạm: bị cáo nhận thức được việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và bị pháp trừng trị nhưng vì thích hưởng thụ, lười lao động bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp.

Về mặt khách thể: hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Về mặt chủ thể: căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi. Do đó, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội do mình gây ra.

Từ những phân tích trên đây, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999. Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố bị cáo theo khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt được quy định khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999.

Điều 139. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

...

Bị cáo Đinh Thị Thanh L là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ hiểu biết, bị cáo ý thức được việc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo đã bất chấp tất cả để thực hiện hành vi phạm tội vì mục đích tư lợi của bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

Qua xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Đinh Thị Thanh L là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã khắc phục bồi thường thiệt hại được một phần cho các bị hại; do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo đã liên tiếp thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần với các bị hại khác nhau. Mỗi lần phạm tội giá trị tài sản đều trên 2.000.000đ (hai triệu đồng). Do đó, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuyên bố bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; xử phạt bị cáo Đinh Thị Thanh L với mức án từ 7 (bảy) đến 8 (tám) năm tù;

Hội đồng xét xử xét thấy mức đề nghị về hình phạt trên là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm do bị cáo thực hiện nên cần chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại cụ thể như sau:

- Trả lại cho chị Hoàng Thị Hồng V số tiền là: 95.000.000đ (chín mươi năm triệu đồng).

- Trả lại cho chị Nông Thị T số tiền là: 21.500.000đ (hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trả cho chị Nông Thị P số tiền là: 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: bị cáo Đinh Thị Thanh L phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

- Áp dụng khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Đinh Thị Thanh L;

Xử phạt bị cáo Đinh Thị Thanh L 7 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành bản án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: căn cứ các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự 2015:

- Buộc bị cáo Đinh Thị Thanh L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại cụ thể như sau:

- Trả lại cho chị Hoàng Thị Hồng V (sinh năm 1965, hộ khẩu thường trú: xóm LC, thị trấn TN, huyện TN, tỉnh Cao Bằng) số tiền là: 95.000.000đ (chín mươi năm triệu đồng).

- Trả lại cho chị Nông Thị T (sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: xóm BG, thị trấn XH, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng) số tiền 21.500.000đ (hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trả cho chị Nông Thị P (sinh năm 1972, hộ khẩu thường trú: xóm YL, thị trấn XH, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng) số tiền là: 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

[4] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Xử buộc bị cáo Đinh Thị Thanh L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 10.325.000đ (mười triệu ba trăm hai mươi năm nghìn đồng) án phí dân sự không có giá ngạch để sung công quỹ nhà nước. Tổng cả 02 (hai) khoản án phí bị cáo phải chịu là 10.525.000đ (mười triệu năm trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành án không thanh toán khoản tiền nêu trên, thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[5] Về quyền kháng cáo: bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại Hoàng Thị Hồng V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các bị hại: Nông Thị T, Nông Thị P được quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến phần trách

nhệm dân sự của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Quốc Hùng